**PHỤ LỤC IV**

**DANH MỤC NGÀNH ĐÚNG/ NGÀNH PHÙ HỢP VÀ CÁC HỌC PHẦN PHẢI HỌC BỔ SUNG**

**TUYỂN SINH ĐÀO TẠO TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ (áp dụng theo Thông tư 09/2022/TT-BGDĐT )**

*((Ban hành kèm theo Thông báo số /QĐ-ĐHSP ngày tháng năm 2025*

*của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm - Đại học Đà Nẵng)*

| **TT** | **THẠC SĨ** | **ĐẠI HỌC** | **Các học phần phải học** **bổ sung** | **ĐẠI HỌC** | **Các học phần phải học bổ sung** |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **Ngành/chuyên ngành** | **Nhóm ngành 1 (ngành đúng)** | **Tên học phần** | **TC** | **Nhóm ngành 2 (ngành gần/ngành khác)** | **Tên học phần** | **TC** |
| 1 | Quản lý giáo dục | - Khoa học giáo dục: *+ Quản lý giáo dục**+ Giáo dục học**+ Công nghệ giáo dục (ngành mới)* | **Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự tuyển:** | - Đào tạo giáo viên | - Đại cương quản lý giáo dục | 3 |
| - Phát triển chương trình giáo dục | 3 |
| - Đại cương quản lý giáo dục | 3 |
| - Hệ thống GD quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục | 3 |
| - Phát triển chương trình giáo dục | 3 | - Các nhóm ngành khác (***phải có thâm niên trong lĩnh vực giáo dục tối thiểu 2 năm***) | - Đại cương quản lý giáo dục | 3 |
| - Phát triển chương trình giáo dục | 3 |
| - Hệ thống GD quốc dân và bộ máy quản lý giáo dục | 3 |
| - Tâm lý học đại cương | 3 |
| - Giáo dục học đại cương | 4 |
| 2 | Tâm lý học | - Tâm lý học*+ Tâm lý học**+ Tâm lý giáo dục* | ***Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự tuyển:*** | - Khoa học giáo dục - Đào tạo giáo viên - Công tác xã hội - Xã hội học và nhân học- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài- Nhóm ngành “khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn- Khoa học chính trị- Địa lý học- Khu vực học- Y học- Y tế cộng đồng- Quản lý y tế | - Tâm lý học phát triển | 3 |
| - Tâm lý học chẩn đoán | 3 |
| - Tham vấn tâm lý | 3 |
| - Tâm lý học đại cương | 3 |
| - PP nghiên cứu chuyên ngành tâm lý học | 3 |
| - Giáo dục học đại cương | 2 |
| - Tâm lý học giáo dục | 2 |
| - Tâm lý học phát triển | 4 | - Tâm lý học đại cương | 2 |
| - Tâm lý học xã hội | 2 |
| - Tâm lý học nhân cách | 3 |
| 3 | Công tác xã hội | - Công tác xã hội:+ Công tác xã hội+ Công tác thanh thiếu niên+ Hỗ trợ giáo dục người khuyết tật | ***Không*** |  | - Tâm lý học- Khoa học giáo dục- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài- Nhóm ngành “khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn- Kinh tế học- Xã hội học và Nhân học- Tâm lý học- Khoa học chính trị- Địa lý học- Khu vực học- Báo chí & truyền thông | - Nhập môn công tác xã hội | 3 |
| - Công tác xã hội với cá nhân | 3 |
| - Công tác xã hội với nhóm | 3 |
| - Phát triển cộng đồng | 3 |
| - Nhóm ngành khác ***(phải có giấy xác nhận của đơn vị làm việc liên quan đến lĩnh vực công tác xã hội)*** | - Nhập môn công tác xã hội | 3 |
| - Công tác xã hội với cá nhân | 3 |
| - Công tác xã hội với nhóm | 3 |
| - Phát triển cộng đồng | 3 |
| - An sinh xã hội và các vấn đề xã hội | 3 |
| 4 | Giáo dục và phát triển cộng đồng |  |  |  | - Khoa học giáo dục- Đào tạo giáo viên- Công tác xã hội- Tâm lý học | - Giáo dục cộng đồng | 3 |
| - Tâm lý học xã hội | 3 |
| - Tâm lý học phát triển | 3 |
| - Xã hội học đại cương | 3 |
| - Giáo dục học đại cương | 3 |
| - Xã hội học và Nhân học- Nhóm ngành “khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn (các ngành sau):*+ Văn hoá học*- Kinh tế học- Địa lý học:*+ Địa lý học*- Y học- Y tế cộng đồng- Quản lý y tế- Du lịch- Quản trị - Quản lý:*+ Hành chính công (Quản lý công)* | - Giáo dục cộng đồng | 3 |
| - Tâm lý học xã hội | 3 |
| - Tâm lý học phát triển | 3 |
| - Xã hội học đại cương | 3 |
| - Đánh giá trong giáo dục | 3 |
| 5 |  Giáo dục học(Chuyên ngành Giáo dục học) | - Khoa học giáo dục- Tâm lý học :*+ Tâm lý giáo dục*- Đào tạo giáo viên | **Đã tốt nghiệp trên 5 năm so với thời điểm dự tuyển:** | - Tâm lý học:*+ Tâm lý học* | - Giáo dục học đại cương | 2 |
|  - Giáo dục học đại cương | 2 | - Lý luận dạy học | 2 |
|  - Lý luận dạy học | 2 |
|  - Lý luận giáo dục | 2 | - Lý luận giáo dục | 2 |
| Giáo dục học(Chuyên ngành Giáo dục Tiểu học) |  - Đào tạo giáo viên:*+ Giáo dục Tiểu học* | Không |  | - Khoa học giáo dục - Đào tạo giáo viên khác- Tâm lý học:*+ Tâm lý học giáo dục* | - Tâm lí học sư phạm tiểu học | 3 |
| - Giáo dục học tiểu học | 3 |
| - Phương pháp dạy học Toán tiểu học. | 3 |
| - Cơ sở tự nhiên - xã hội và PPDH | 3 |
| - PPDH Tiếng Việt tiểu học | 3 |
| Giáo dục học(Chuyên ngành Giáo dục Mầm non) | - Đào tạo giáo viên:*+ Giáo dục Mầm non* | Không |  | - Khoa học giáo dục - Đào tạo giáo viên khác- Tâm lý học:*+ Tâm lý học giáo dục* | - Tâm lý học - Giáo dục học mầm non | 3 |
| - Giáo dục phát triển trí tuệ cho trẻ mầm non | 3 |
| - Giáo dục phát triển ngôn ngữ cho trẻ mầm non | 3 |
| - Giáo dục phát triển thẩm mỹ cho trẻ mầm non | 4 |
| - Giáo dục phát triển thể chất cho trẻ mầm non | 2 |
| - Giáo dục phát triển tình cảm, kỹ năng xã hội cho trẻ mầm non | 2 |
| - Chăm sóc và giáo dục sức khỏe cho trẻ mầm non | 3 |
| 6 | Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Toán | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Toán học**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Toán học* | Không |  | - Toán học | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phương pháp dạy học môn Toán ở trường trung học | 3 |
| Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Tin học | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Tin học**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Tin học* | Không |  | - Máy tính- Công nghệ thông tin:- Toán học:*+ Toán tin**+ Khoa học dữ liệu* | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Tin học ở phổ thông | 3 |
| - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Toán*  | -Cấu trúc dữ liệu và giải thuật | 3 |
| -Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Tin học ở phổ thông | 3 |
| - Lập trình C/C++/Python | 3 |
|  | Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Vật lý |  - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Vật lý**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Vật lý* | Không |  | - Khoa học vật chất:*+ Vật lý học+ Vật lý nguyên tử và hạt nhân+ Cơ học**+ Khoa học vật liệu**+Thiên văn học**- Vật lý kỹ thuật* | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Vật lý ở phổ thông | 3 |
| - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Kỹ thuật công nghiệp* | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Cơ học lượng tử | 3 |
| Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Sinh học | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Sinh học**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Sinh học**+ Sư phạm Khoa học tự nhiên* | Không |  | - Sinh học- Sinh học ứng dụng- Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Công nghệ* | - Giáo dục học (Chỉ dành cho ngành Sinh học, Sinh học ứng dụng) | 3 |
| - Lý luận dạy học Sinh học | 3 |
| - Phát triển chương trình môn Sinh học ở phổ thông | 3 |
| Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Ngữ văn | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Ngữ văn**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Ngữ văn* | Không |  | - Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn:*+ Văn học**+ Ngôn ngữ học*- Báo chí & truyền thông:*+ Báo chí**- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam:**+ Sáng tác văn học* | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận dạy và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Ngữ văn ở phổ thông | 3 |
| Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Địa lý | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Địa lý**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Địa lý* | Không |  | - Khoa học trái đất- Địa lý học | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Địa lý ở trường phổ thông | 3 |
|  | Chuyên ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn Âm nhạc | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Âm nhạc**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Âm nhạc* | Không |  | - Nghệ thuật trình diễn:*+ Âm nhạc học* *+ Thanh nhạc**+ Piano**+ Biểu diễn nhạc cụ phương Tây**+ Biểu diễn nhạc cụ truyền thống**+ Sáng tác Âm nhạc**+ Chỉ huy âm nhạc* | - Giáo dục học | 3 |
| - Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn | 3 |
| - Phân tích chương trình môn Âm nhạc ở trường phổ thông | 3 |
| 7 | Đại số và lý thuyết số | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Toán học**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Toán học* - Toán học | Không |  | Không | Không |  |
| 8 | Phương pháp toán sơ cấp | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Toán học**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Toán học* - Toán học | Không |  | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Tin học* | - Giải tích thực một biến | 3 |
| - Giải tích thực nhiều biến | 3 |
| - Đại số tuyến tính | 3 |
| 9 | Toán giải tích | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Toán học**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Toán học* - Toán học | Không |  | Không | Không |  |
| 10 | Hệ thống thông tin | - Máy tính:*+ Hệ thống thông tin**+ Khoa học máy tính**+Mạng máy tính và truyền thông**+Kỹ thuật phần mềm*- Công nghệ thông tin:*+ Công nghệ thông tin**+An toàn thông tin*- Nhóm ngành khác: *+ Tin học* | Không |  | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Tin học**+ Sư phạm Toán học*- Quản trị - Quản lý:*+ Hệ thống thông tin quản lý**+ Tin học quản lý**+ Quản trị hệ thống thông tin*- Kinh doanh*+ Thương mại điện tử*- Toán học:*+ Toán học**+ Toán tin*- Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử và viễn thông- Kỹ thuật điện tử, điện tử và viễn thông thông*+ Kỹ thuật điện tử - viễn thông thông*- Kinh doanh:*+ Thương mại điện tử*- Kinh tế học:*+ Thống kê kinh tế* | - Hệ quản trị cơ sở dữ liệu nâng cao | 2 |
| - Hệ phân tán | 2 |
| - Quy hoạch tuyến tính | 2 |
| - Phân tích và thiết kế hệ thống | 2 |
| 11 | Hóa hữu cơ | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Hóa học* *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Hóa học* - Khoa học vật chất: *+ Hóa học**+ Hóa hữu cơ*- Dược học:*+ Hóa dược*- Khoa học môi trường:*+Khoa học môi trường* *(có tổng số tín chỉ Hóa học là 45 – 50 TC)*- Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường*+ Công nghệ kỹ thuật hóa học*- Công nghệ dầu khí và khai thác dầu | Không |  | Không | Không |  |
| 12 | Hóa lý thuyết và hóa lý | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Hóa học* *+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Hóa học* *+ Sư phạm Khoa học tự nhiên*- Khoa học vật chất: *+ Hóa học*- Dược học:*+ Hóa dược*- Khoa học môi trường:*+Khoa học môi trường* *(có tổng số tín chỉ Hóa học là 45 – 50 TC)*- Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường*+ Công nghệ kỹ thuật hóa học*- Công nghệ dầu khí và khai thác dầu | Không |  | Không | Không |  |
| 13 | Sinh học  | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm kỹ thuật nông nghiệp**+ Sư phạm Sinh học**+Hoặc Sư phạm song ngành có môn Sinh học*- Khoa học sự sống:*+ Sinh học*- Sinh học - ứng dụng- Nông nghiệp:*+ Khoa học cây trồng**+ Nông học**+Bảo vệ thực vật* | Không |  | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Khoa học tự nhiên**+ Sư phạm Công nghệ*- Chế biến lương thực, thực phẩm và đồ uống:- Nông nghiệp (ngoại trừ Khoa học cây trồng, Nông học, Bảo vệ thực vật)- Lâm nghiệp:*+ Quản lý tài nguyên rừng**+Lâm học*- Thủy sản:*+ Nuôi trồng thủy sản**+ Bệnh học thủy sản**+ Khoa học thủy sản*- Thú y - Quản lý tài nguyên và môi trường:*+ Quản lý tài nguyên và môi trường*- Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường:*+ Kỹ thuật môi trường*- Khoa học môi trường- Y học- Dinh dưỡng- Kỹ thuật y học | - Sinh học đại cương | 3 |
| - Động vật học | 3 |
| - Thực vật học | 3 |
| - Vi sinh vật học | 3 |
| - Cơ sở Sinh thái học | 3 |
| 14 | Quản lý tài nguyên và môi trường | - Quản lý tài nguyên và môi trường- Khoa học môi trường: | Không |  | - Sinh học- Sinh học ứng dụng- Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường: *+ Kỹ thuật môi trường*- Công nghệ hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường- Công nghệ kỹ thuật môi trường- Kỹ thuật hóa học, vật liệu, luyện kim và môi trường:*+ Kỹ thuật môi trường*- Kỹ thuật địa chất, địa vật lý và trắc địa:*+ Kỹ thuật trắc địa – bản đồ**+ Kỹ thuật địa chất*  | - Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường | 3 |
| - Nông nghiệp: *+ Nông nghiệp*  *+ Nông học* *+ Khoa học đất* | - Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường | 3 |
| - Công nghệ môi trường | 3 |
| - Lâm nghiệp:*+ Quản lý tài nguyên rừng*- Quản lý đất đai- Các lĩnh vực khác (các ngành sau):*+ Quản lý lâm nghiệp**+ Địa lý học**+ Địa lý tự nhiên* *+ Khí tượng và khí hậu học**+ Bản đồ viễn thám và hệ thống thông tin địa lý**+ Quản lý hải sản**+ Phát triển bền vững* | - Cơ sở sinh thái học | 3 |
| - Công nghệ môi trường | 3 |
| - Các nhóm ngành khác (các ngành sau):*+ Thủy văn học**+ Hải dương học* | - Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường | 3 |
| - Công nghệ môi trường | 3 |
| Các ngành thuộc nhóm ngành khác ***(phải*** ***có thâm niên trong lĩnh vực Quản lý tài nguyên và môi trường tối thiểu 2 năm***) | Căn cứ vào bảng điểm tốt nghiệp đại học, người dự thi được bố trí học 3 đến 5/10 học phần sau: |  |
| - Khoa học môi trường đại cương | 3 |
| - Công nghệ môi trường | 3 |
| - Địa lý đại cương | 3 |
| - Quản lý nhà nước về tài nguyên và môi trường | 3 |
| - Quy hoạch môi trường | 3 |
| - Đánh giá tác động môi trường | 3 |
| - Kinh tế môi trường | 3 |
| - Luật và chính sách môi trường | 3 |
| - Quan trắc môi trường | 3 |
| - Cơ sở sinh thái học | 3 |
| 15 | Ngôn ngữ học | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Ngữ Văn**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Ngữ văn*- Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn:*+ Ngôn ngữ học**+ Văn học* | Không |  | - Báo chí và truyền thông - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam - Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài  | - Dẫn luận ngôn ngữ học | 3 |
| 16 | Văn học Việt Nam | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Ngữ Văn**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Ngữ văn*- Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn:*+ Văn học* | Không |  | - Báo chí và Truyền thông- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam *+ Hán Nôm**+ Sáng tác văn học*- Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn:*+ Ngôn ngữ học* | - Dẫn luận lí luận văn học | 3 |
| - Phương pháp nghiên cứu khoa học (Văn học) | 2 |
| 17 | Lịch sử Việt Nam | - Đào tạo giáo viên:*+ Sư phạm Lịch sử**+ Hoặc Sư phạm song ngành có môn Lịch sử*- Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn: *+ Lịch sử* | Không |  | - Đào tạo giáo viên:*+ Giáo dục chính trị*- Khoa học chính trị:- Khu vực học:*+ Quốc tế học**+ Việt Nam học* *+ Đông Phương học*- Xã hội học và Nhân học- Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn (ngành sau):*+ Văn hóa học* *+ Quản lý văn hóa**+ Văn học**+ Tôn giáo học*- Văn thư – Lưu trữ - Bảo tàng:*+ Bảo tàng học*- Báo chí và Truyền thông: *+ Báo chí*- Quân sự:*+ Biên phòng* | - Lịch sử Việt Nam đại cương | 2 |
| - Phương pháp luận sử học | 2 |
| 18 | Việt Nam học | - Khu vực học:*+ Việt Nam học* | Không |  | - Nhóm ngành “Khác” thuộc lĩnh lực Nhân văn :*+ Ngôn ngữ học**+ Văn học**+ Triết học**+ Chủ nghĩa xã hội khoa học**+ Gia đình học* *+ Lịch sử**+ Văn hóa học* *+Quản lý văn hóa*  | - Văn hóa Đông Nam Á | 2 |
| - Lịch sử Việt Nam đại cương | 2 |
| - Kinh tế du lịch | 2 |
| - Khoa học giáo dục- Xã hội học và Nhân học- Tâm lý học- Khu vực học- Khoa học chính trị:- Địa lý học- Kinh tế học: *+ Kinh tế*- Báo chí và Truyền thông: *+ Báo chí*- Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam *+ Hán Nôm*- Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân:*+Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành*- Khoa học môi trường  | - Cơ sở văn hóa Việt Nam. | 2 |
| - Văn hóa Đông Nam Á | 2 |
| - Lịch sử Việt Nam đại cương | 2 |
| - Kinh tế du lịch | 2 |
| - Địa lý kinh tế - xã hội Việt Nam | 2 |

\* Các trường hợp đặc biệt sẽ do Hội đồng tuyển sinh xem xét hồ sơ và quyết định./.